TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 190/2022/DS-ST
Ngày: 24/8/2022
"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Hiển

Bà Nguyễn Thị Thu Sương

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 184/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa 195/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KL. Trụ sở: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A – Tổng giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Công P, sinh năm 1983; Chức vụ: Tổ phó tín dụng Phòng giao dịch CĐ – Chi nhánh tỉnh AG - Ngân hàng TMCP KL. Địa chỉ: Số 26 Phan Văn Vàng, phường CPB, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

+ Ông La Phú Tr, sinh năm 1984;

+ Bà Hồ Thị Ngọc B, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

Ông Đinh Công P, La Phú Tr có mặt; bà Hồ Thị Ngọc B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hành TMCP KL và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/8/2020 ông Tr và bà B đến Phòng giao dịch Châu Đốc của Ngân hàng TMCP KL vay số tiền 30.000.000đ; mục đích vay: tiểu thương; thời hạn vay: 180 ngày; lãi suất: 16%/năm (lãi gộp); lãi suất nợ quá hạn: 24%/năm; hình thức thanh toán: gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng.

Khi vay ông Tr , bà B có cầm cố các tài sản sau: 1. Bản chính xe mô tô, hiệu Honda, loại Click, màu sơn đen đỏ, số khung 1801AY752290, số máy JF18E0202923, biển kiểm soát 67D1-442.22, nơi cấp An Giang, ngày cấp 22/3/2010; 2. Bản chính xe mô tô, hiệu Honda, loại WAVE S, màu sơn đỏ đen, số khung 5261DY004639, số máy C52E-1031139, biển kiểm soát 67E1-243.73, nơi cấp An Giang, ngày cấp 18/6/2013. Theo hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A1095486/HĐTD-CC ngày 10/8/2020. Tính đến ngày 20/4/2021 ông Tr , bà B trả được vốn gốc 12.833.333đ, lãi 1.012.603đ. Tạm tính đến ngày 20/4/2021 ông Tr , bà B còn nợ ngân hàng vốn gốc là 17.166.667đ; lãi trong hạn là 1.354.521đ; lãi quá hạn 1.997.918đ.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc ông Tr , bà B trả 20.159.105đ. Trong đó vốn gốc là 17.166.667đ; lãi trong hạn là 1.354.521đ; lãi quá hạn 1.997.918đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi trên dư nợ gốc theo mức thoả thuận tại hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A1095486/HĐTD-CC ngày 10/8/2020.

Trường hợp ông Tr , bà B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thoả thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản.

Bị đơn ông La Phú Tr và bà Hồ Thị Ngọc B vắng mặt các lần Tòa án triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên toà,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu ông Tr , bà B trả tiền vốn gốc 17.166.667đ; lãi suất trong hạn là 1.354.521đ; lãi suất quá hạn là tạm tính đến ngày 24/8/2022 là 7.540.164đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 25/8/2022 đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A1095486/HĐTD-CC ngày 08/8/2020; Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố được ký kết vào ngày 08/8/2020 chứ không phải ngày 10/8/2020. Ngày 10/8/2020 là ngày giải ngân; phương thức trả tiền các bên sẽ thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án; Tài sản bảo đảm cho việc vay tiền là 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại Click, màu sơn đen đỏ, số khung 1801AY752290, số máy JF18E0202923, biển kiểm soát 67D1-442.22 và 01 xe mô tô, hiệu Honda, loại WAVE S, màu sơn đỏ đen, số khung 5261DY004639, số máy C52E-1031139, biển kiểm soát 67E1-243.73. Trường hợp ông Tr , bà B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản; không yêu cầu giải quyết hợp đồng gửi giữ tài sản.

Ông Tr trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tài sản bảo đảm hiện do vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quyền kháng cáo, án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông La Phú Tr và bà Hồ Thị Ngọc B trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. ông La Phú Tr và bà Hồ Thị Ngọc B có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tài liệu, chứng cứ: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Các đương sự có mặt thống nhất các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó Tòa án sẽ xem xét làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Xét yêu cầu trả tiền của nguyên đơn

Căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A1095486/HĐTD-CC ngày 08/8/2020, lời trình bày của ông Tr tại phiên tòa và sự không phản đối của bà B. HĐXX thấy rằng, ông Tr và bà B có vay của Ngân hàng TMCP KL số tiền 30.000.000đ, thời hạn 06 tháng, với lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ông Tr , bà B đã trả được 12.833.333đ tiền vốn gốc, 1.012.603đ tiền lãi trong hạn, chưa trả lãi quá hạn tính đến thời điểm hiện tại.

Khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng quy định, *"Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước"*.

Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng quy định, *"Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn".*

Do đó, Ngân hàng TMCP KL yêu cầu ông Tr , bà B trả tiền vốn gốc 17.166.667đ; lãi suất trong hạn là 1.354.521đ; lãi suất quá hạn là tạm tính đến ngày 24/8/2022 là 7.540.164đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 25/8/2022 đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A1095486/HĐTD-CC ngày 08/8/2020 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn:

Để đảm bảo cho việc vay tiền trên ông Tr , bà B đã cầm cố 01 xe Honda Wave S, biển kiểm soát 67D1-243.73, số máy C52E-1031139, số khung 5261DY004639 tên chủ xe La Phú Tr; 01 xe Honda Click, biển kiểm soát 67D1-422.22, số máy JF18E0202923, số khung 1801AY752290 tên chủ xe Hồ Thị Ngọc B.

Điều 310 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về hiệu lực của cầm cố tài sản như sau, *"Hợp đồng cầm cố tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác; cầm cố tài sản có hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm bên nhận cầm cố nắm giữ tài sản".*

Khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm như sau: *"Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ".*

Khoản 2 Điều 314 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về quyền của bên nhận cầm cố như sau: *"Xử lý tài sản bảo đảm cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật".*

Điều 4 Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A1095486/HĐTD-CC ngày 08/8/2020 các bên thỏa thuận như sau: *"...Bên B: được kiểm tra, giám sát việc vay vốn, sử dụng vốn vay và hoạt động SX-KD... của bên A khi cần thiết. Nếu bên A vi phạm hợp đồng thì bên B sẽ được quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc các quyền khác để xử lý tài sản bảo đảm nợ vay và các tài sản khác (nếu có) của bên A nhằm thu hồi nợ vay căn cứ theo các thỏa thuận tại hợp đồng này và quy định của pháp luật..."*

HĐXX thấy rằng, hợp đồng cầm cố giữa Ngân hàng TMCP KL với ông Tr , bà B là đúng quy định của pháp luật; Sau khi ký kết hợp đồng cầm cố Ngân hàng TMCP KL ông Tr bà B đã giao tài sản cho Ngân hàng TMCP KL, có nghĩa là Ngân hàng TMCP KL đã nắm giữ tài sản, mặc dù sau đó thỏa thuận

giao dịch gửi giữ lại với ông Tr , bà B. Do đó, việc cầm cố tài sản giữa Ngân hàng TMCP KL với ông Tr , bà B đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

Từ những phân tích trên và quy định của pháp luật, HĐXX thấy rằng, yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL yêu cầu có quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản cầm cố trong trường hợp ông Tr , bà B không trả tiền là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét đối với giao dịch gửi giữ tài sản:

Sau khi cầm cố Ngân hàng TMCP KL gửi tài sản bảo đảm cho ông Tr , bà B giữ, hiện tại các tài sản do ông Tr bà B giữ. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết giao dịch gửi giữ tài sản nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP KL được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Tr , bà B bị buộc trách nhiệm trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 1 Điều 299; Điều 310; khoản 2 Điều 314 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL.

Buộc ông La Phú Tr, bà Hồ Thị Ngọc B trả cho Ngân hàng TMCP KL tổng số tiền là 26.061.352đ (Hai mươi sáu triệu không trăm sáu mươi một nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Trong đó, vốn gốc 17.166.667đ (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng); lãi suất trong hạn là 1.354.521đ (Một triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một

nghìn đồng); lãi suất quá hạn là tạm tính đến ngày 24/8/2022 là 7.540.164đ (Bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng).

Ông La Phú Tr, bà Hồ Thị Ngọc B tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP KL theo mức lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa trả kể từ ngày 25/8/2022 đến khi thi hành án xong theo Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A1095486/HĐTD-CC ngày 08/8/2020.

2. Về án phí:

Ông La Phú Tr và bà Hồ Thị Ngọc B phải chịu 1.303.000đ (Một triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP KL 513.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0003340 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Võ Văn Hoà